TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST Ngày 11-4-2019 V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Thư.

2. Ông Đinh Quốc Phong .

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1995 (vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu 10, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2018; tại bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 21/8/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ anh P tại xã T. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống và không tin tưởng nhau, nên thường xuyên xảy ra việc cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ cuối năm 2017, do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh P để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai ngày 21/01/2019, bị đơn anh Hoàng Văn P trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng như chị H đã trình bày là đúng. Do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên sống ly thân từ tháng cuối năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nên chị H xin ly hôn anh cũng nhất trí, vì vợ chồng không còn tình cảm sẽ không thể mang lại hành phúc gia đình.

Về con chung:

Chị H và anh P cùng xác định: Vợ chồng có một con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 24/11/2015. Hiện nay con chung đang ở cùng anh P. Chị H và anh P cùng thỏa thuận để anh P trực tiếp nuôi con chung khi vợ chồng ly hôn và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh P không yêu cầu.

Về tài sản chung, quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị H và anh P đều trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Văn P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng khi vụ án được đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào quan điểm trình bày và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại Ủy ban nhân dân xã T thấy rằng: Mặc dù chị H và anh P kết hôn thời gian ngắn nhưng đã xảy ra mâu thuẫn, phải sống ly thân và anh chị cùng tự nguyện thỏa thuận nhất trí ly hôn và thỏa thuận được việc nuôi con chung. Xét thấy thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và không trái pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn P.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc anh P trực tiếp nuôi con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 24/11/2015. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh P không yêu cầu.

Về Quyền, nghĩa vụ tài sản, công nợ và công sức: Chị H và anh P không đề nghị Tòa án xem xét, nên đề nghị không giải quyết.

Án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, anh P đã có bản tự khai và có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án không tổ chức hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh P là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc xin ly hôn anh Hoàng Văn P thấy rằng:*

Chị H và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 21/8/2015, không thuộc trường hợp cấm kết hôn. Vì vậy là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh chị tại địa phương xã T cũng như trình bày của chị H và anh P thấy rằng: Chị H và anh P sau khi kết hôn tình cảm vợ chồng chỉ hạnh phúc thời gian ngắn sau đó đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đến cuối năm 2017, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân từ đó đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, giúp đỡ nhau trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nên Ủy ban nhân dân xã T cũng có quan điểm đề nghị giải quyết cho anh chị ly hôn để ổn định cuộc sống và chị H, anh P cũng có quan điểm nhất trí ly hôn.

Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý để kết luận tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh P đã mâu thuẫn trầm trọng và anh chị đều có quan điểm thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, nên công nhận thuận tình ly hôn giữa chị H và anh P.

[3]. *Về con chung:* Chị H và anh P có một con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 24/11/2015, hiện nay con chung đang trực tiếp ở cùng anh P. Chị H và anh P thỏa thuận anh P trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo xã hội nên cần ghi nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

[4]. *Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Do chị H và anh P không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Hoàng Văn P.

2. *Về con chung:*

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh P cụ thể như sau: Anh P trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 24/11/2015, kể từ khi vợ chồng ly hôn. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh P không yêu cầu. Chị H có quyền thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Chị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008438 ngày 20/12/2018, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; Chị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hán Hưởng